

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện và kết quả Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2024

Kính gửi:

- UBND huyện Định Hóa
- Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Định Hóa

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Kế hoạch số 103/KH-BCĐ ngày 19/5/2021 của Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, Xóa mù chữ của Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa, thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ giai đoạn 2021- 2025.

Kế hoạch số 29/KH-BCĐ ngày 25/01/2025 của UBND huyện Định Hóa về Kế hoạch duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2024;

Thực hiện Công văn số 429/PGDĐT-TH ngày 23/8/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Định Hóa về việc hướng dẫn thực hiện công tác PCGD, XMC năm 2024;

Ủy ban nhân dân xã Bảo Cường báo cáo quá trình thực hiện và kết quả thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2024, nội dung như sau:

#### Phần thứ nhất:

### ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG

#### I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG VỀ ĐỊA LÝ, DÂN CƯ VÀ KINH TẾ XÃ HỘI

##### 1. Đặc điểm chung về địa lý, dân cư

Xã Bảo Cường nằm trên trục đường 268, diện tích toàn xã 979,76 ha. Phía Đông giáp Phượng Tiến, phía Tây giáp Đồng Thịnh, Phúc Chu, phía Nam giáp Trung Hội và phía Bắc giáp Chợ Chu. Tổng số hộ của xã là 1124 hộ (tính cả những hộ tạm trú) với 1465 nhân khẩu, gồm có 8 dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Hoa, Sán đìu, Cao lan, San Chí cùng sinh sống tại 08 xóm.

## **2. Đặc điểm về kinh tế - xã hội**

Hầu hết các hộ gia đình trên địa bàn xã đều làm ruộng, buôn bán nhỏ chỉ có vài hộ thuộc xóm Đồng Mản. Nhiều năm qua, được sự quan tâm của các cấp, các ngành; sự nỗ lực cố gắng của cả hệ thống chính trị; sự điều hành quyết liệt, hiệu quả của UBND xã; sự chủ động tích cực của các cơ quan, đơn vị; sự cố gắng và ủng hộ của người dân trên địa bàn xã nên tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 tiếp tục duy trì và phát triển.

## **3. Tình hình chung về phát triển sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo**

Bảo Cường là xã có truyền thống cách mạng lâu đời. Địa bàn xã nằm gần trung tâm huyện, nhiều năm qua trong quá trình thực hiện các mục tiêu về PCGD, XMC xã Bảo Cường đã được Đảng ủy, chính quyền quan tâm, chỉ đạo sát sao; được nhân dân các dân tộc, các đoàn thể trên địa bàn xã hết lòng giúp đỡ và ủng hộ. Xã Bảo Cường đã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016.

Xã có ba trường học trên địa bàn: Trường Mầm non, Tiểu học và THCS. Trường Tiểu học đã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia năm 2007 và năm 2012 được công nhận lại; Trường Mầm non được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia năm 2018; Trường THCS được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, năm 2023.

## **II. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN**

### **1. Thuận lợi**

Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục cấp huyện luôn quan tâm, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện công tác phổ cập của địa bàn.

Ban Chỉ đạo PCGD xã Bảo Cường luôn nhận được sự lãnh đạo sát sao của Đảng ủy, chính quyền; sự ủng hộ của nhân dân địa phương.

Hàng năm số học sinh lên lớp và tốt nghiệp THCS đạt chỉ tiêu kế hoạch. Các trường học trên địa bàn xã không có điểm trường lẻ nên thuận tiện cho công tác dạy và học.

Đội ngũ giáo viên của 3 trường đa số có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn; có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có ý thức trách nhiệm trong thực hiện các nhiệm vụ được phân công. Vì vậy, quá trình điều tra phổ cập đến các hộ gia đình nhìn chung đạt được theo yêu cầu.

### **2. Khó khăn**

Bảo Cường là xã thuần nông, nhân dân trên địa bàn xã chủ yếu sống bằng nghề làm ruộng, số hộ nghèo và cận nghèo vẫn còn. Mặt khác do để đảm bảo cuộc sống, một số gia đình bố, mẹ thường xuyên phải đi làm xa, con ở nhà với ông bà nên ít nhiều có ảnh hưởng đến việc kết hợp giáo dục giữa gia đình và nhà trường.

**Phần thứ hai:****QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ KẾT QUẢ  
PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XOÁ MÙ CHỮ NĂM 2024****I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO**

Có đầy đủ các văn bản chỉ đạo của các cấp về lĩnh vực giáo dục trong đó có công tác PCGD; UBND xã đã có các văn bản chỉ đạo, kế hoạch, hướng dẫn các trường Mầm non, Tiểu học, THCS thực hiện PCGD, XMC theo từng năm; trường THCS làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, UBND xã chỉ đạo các xóm thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết, kế hoạch và hướng dẫn về phổ cập giáo dục, xoá mù chữ.

**II. CÁC BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN****1. Công tác tuyên truyền**

- Phối hợp với Hội Khuyến học để đẩy mạnh các hoạt động khuyến học, khuyến tài nhằm phát huy tính hiệu quả của các mô hình: "Gia đình hiếu học", "Dòng họ khuyến học", "Tổ dân phố, làng xóm văn hoá", "Xã, phường, xã khuyến học" với những nội dung, tiêu chí xác định, cụ thể, thiết thực.

- Phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể, các cơ quan thông tin đại chúng để tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về công tác xoá mù chữ, phổ cập giáo dục. Có các biện pháp phù hợp hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật để động viên học sinh ra lớp học tập, không có học sinh bỏ học.

**2. Hoạt động của Ban chỉ đạo Phổ cập Giáo dục, xoá mù chữ****2.1. Ban Chỉ đạo PCGD, XMC**

Tham mưu cho UBND xã về công tác PCGD, XMC trên địa bàn. Xây dựng Kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, tổ chức tập huấn về công tác PCGD, XMC, công tác kiểm tra các đơn vị thực hiện nhiệm vụ PCGD, XMC, xây dựng các báo cáo về PCGD, XMC theo quy định.

**2.2. Ủy ban nhân xã**

- Kiện toàn Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục tại địa phương, xây dựng quy chế và chương trình hoạt động của Ban chỉ đạo để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phổ cập giáo dục các cấp học.

- Xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục của địa phương năm 2024, trong đó có chỉ tiêu phấn đấu đạt chuẩn vững chắc phổ cập giáo dục, xoá mù chữ.

- Thường xuyên rà soát hồ sơ theo dõi phổ cập giáo dục của địa phương, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và thống nhất về thông tin giữa các loại hồ sơ: Phiếu điều tra, sổ theo dõi phổ cập giáo dục, sổ đăng bộ và các hồ sơ phổ cập giáo dục khác. Bổ sung sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến, học sinh hoàn thành

chương trình giáo dục mầm non, tiểu học và học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, cập nhật thông tin đầy đủ và kịp thời.

- Huy động trẻ em trong độ tuổi đi học nhằm duy trì sĩ số đảm bảo phát huy thành quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

### ***2.3. Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Khuyến học, Hội Cựu giáo chức***

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tham gia công tác PCGD, XMC. Phân công trách nhiệm và hướng dẫn các tổ chức thành viên xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp hành động để triển khai thực hiện công tác PCGD, XMC; tích cực vận động trẻ trong độ tuổi phổ cập giáo dục đến trường và vận động nguồn xã hội hóa cho phổ cập giáo dục.

### ***2.4. Các trường học***

- Phát huy vai trò gương mẫu và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, tích cực đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá cho phù hợp với đối tượng học sinh, nâng cao chất lượng dạy học nhằm củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục các bậc học đã đạt được.

- Phân công giáo viên điều tra, rà soát cập nhật phiếu điều tra vào sổ phổ cập giáo dục; hồ sơ phổ cập giáo dục phải được bảo quản cẩn thận và cập nhật số liệu thường xuyên; hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm về số liệu trong hồ sơ phổ cập giáo dục.

- Phân công cán bộ phụ trách và quản lý phần mềm phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, thường xuyên cập nhật, khai thác phần mềm có hiệu quả.

- Huy động và duy trì sĩ số học sinh các cấp bằng các hình thức tuyên truyền, vận động số học sinh bỏ học hoặc đi học không đều ra lớp đầy đủ.

## **3. Hoạt động của ngành Giáo dục và Đào tạo**

***3.1. Giáo dục cho đội ngũ CBQL, giáo viên nhà trường*** nâng cao ý thức trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ PCGD, XMC.

### ***3.2. Chỉ đạo các nhà trường tập trung thực hiện các công việc:***

- Phân công giáo viên đi điều tra số liệu phổ cập trên địa bàn đầy đủ, chính xác.  
- Chuẩn bị cho tốt mọi điều kiện về cơ sở vật chất cho “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”.

- Thực hiện việc cập nhật các dữ liệu đúng, chính xác vào phần mềm PCGD, XMC.

- Lập các biểu theo đúng mẫu quy định.

- Tham mưu cho Ban chỉ đạo xã xây dựng kế hoạch PCGD, XMC.

### ***3.3. Tập trung nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục***

- Nâng cao chất lượng các giờ dạy chính khóa;

- Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn;
- Nâng cao chất lượng các chuyên đề về chuyên môn;
- Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, đánh giá;
- Có kế hoạch và thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém.

### ***3.4. Tổ chức dạy học Tiếng Anh, Tin học.***

Tổ chức học Tiếng Anh chính khóa theo quy định của Bộ giáo dục, triển khai dạy Tin học khối 6, 7, 8, 9 trường THCS; học chính khóa tin học lớp 3, 4, 5 đối với trường Tiểu học.

### ***3.5. Tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày, bán trú:***

Duy trì thực hiện dạy học 2 buổi/ngày, tổ chức ăn bán trú đối với trường trường Mầm non.

### ***3.6. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, xây dựng thư viện chuẩn và thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục***

Duy trì các tiêu chí của trường chuẩn quốc gia. Các nhà trường tiếp tục tham mưu tích cực với các cấp, các ngành để nâng cấp, tu bổ và làm mới các hạng mục công trình xây dựng cần thiết để chuẩn bị cho việc công nhận lại và duy trì trường chuẩn Quốc gia.

Làm tốt công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục, đặc biệt là chú trọng cải tiến chất lượng, tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, minh chứng.

### ***3.7. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ PCGD, XMC***

Từ năm học 2014-2015 các nhà trường đã sử dụng phần mềm phổ cập do Bộ giáo dục triển khai, hiện vẫn tiếp tục sử dụng trong năm học này và các năm học tiếp theo.

### ***3.8. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục***

- 100% cán bộ, giáo viên đạt trình độ đào tạo chuẩn và trên chuẩn, đủ số lượng cho các môn học. Được phân công theo đúng chuyên môn đào tạo, các công tác kiêm nhiệm được phân công theo hình thức: “ Phát huy sở trường, hạn chế sở đoản ”.

- Các giáo viên được cử tham gia các lớp bồi dưỡng tập huấn, chuẩn hóa nâng cao trình độ đều hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập của mình.

- 100% giáo viên được tham gia các lớp tập huấn về chuyên môn.

### ***3.9. Dạy học đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn***

Các tổ chức đoàn thể trong các nhà trường luôn quan tâm, giúp đỡ các em HS có hoàn cảnh khó khăn. Hằng năm đều tổ chức các hoạt động để động viên các em vượt khó đến trường như: Tiếp sức đến trường, xuân ấm tình thương...

#### **4. Công tác kiểm tra kết quả thực hiện công tác PCGD, XMC**

Ban chỉ đạo PCGD, XMC tổ chức kiểm tra kết quả thực hiện công tác PCGD, XMC vào tháng 9 hằng năm.

### **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PCGD, XMC**

#### **1. Kết quả thực hiện các tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi**

**1.1 Tiêu chuẩn trẻ em:** Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: Theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP (Có biểu bảng số liệu kèm theo).

- Tổng số huy động trẻ 5 tuổi: 74/74 tỷ lệ 100%.
- + Tổng số trẻ khuyết tật: 0; trẻ khuyết tật học hòa nhập: 0.
- + Số trẻ học tại địa bàn: 57; trẻ ở địa bàn học trái tuyến tại địa bàn khác: 17; trẻ nơi khác đến học nhờ: 16 trẻ.
- Tổng số trẻ 5 tuổi HTCTGDMN: 74/74 đạt tỷ lệ 100%
- + Trẻ dân tộc thiểu số: 66 trẻ
- + Tổng số trẻ khuyết tật: 0; trẻ khuyết tật học hòa nhập 0 trẻ.

**1.2. Điều kiện bảo đảm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: Theo quy định tại Thông tư số 07/TT-BGDĐT (có biểu bảng số liệu kèm theo).**

##### **1.2.1. Điều kiện về giáo viên, nhân viên.**

Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên: 29 trong đó: Cán bộ quản lý: 03; giáo viên: 19 ; nhân viên: 7.

- Trình độ đào tạo:
- + Số giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo: 19/19 đạt tỉ lệ: 100%;
- +Số giáo viên trên chuẩn về trình độ đào tạo: 18/19 tỉ lệ: 94,7%;
- + Giáo viên được xếp loại chuẩn nghề nghiệp: 19/19 tỷ lệ 100% (19 giáo viên biên chế).

\* Giáo viên dạy lớp 5 tuổi:

- Có 4 giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi, tỷ lệ giáo viên trên lớp 5 tuổi: 2;
- Có 4/4 giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo đạt tỷ lệ 100%, biết UDCNTT trong công tác giảng dạy, được xếp loại tốt theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

- Hồ sơ sổ sách của giáo viên:

100% giáo viên có đầy đủ hồ sơ sổ sách theo quy định, đảm bảo về nội dung và chất lượng.

- Thực hiện chế độ chính sách đối với giáo viên: 100% giáo viên được hưởng thu nhập và các chế độ chính sách khác theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Các xóm có đủ người theo dõi công tác PCGD, XMC: 14 đ/c phụ trách 8 xóm.

### **1.2.2 Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.**

- Trường có mạng lưới cơ sở GD thực hiện PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi, giao thông bảo đảm đưa đón trẻ thuận lợi, an toàn.

- Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

- Số phòng học (Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ) cho lớp mẫu giáo 5 tuổi; Có 02 phòng học, đạt tỷ lệ 1 phòng học/lớp. Phòng học cho lớp mẫu giáo 5 tuổi được xây kiên cố 02 phòng; tỷ lệ 100%, đảm bảo an toàn, trong đó có phòng sinh hoạt chung bảo đảm diện tích 2,42m<sup>2</sup>/trẻ; phòng học đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè.

- Có 02 lớp mẫu giáo 5 tuổi có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu.

- Sân chơi xanh, sạch, đẹp và có đầy đủ đồ chơi ngoài trời, đảm bảo an toàn cho trẻ hoạt động; Có nguồn nước sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn cho trẻ, Nhà trường có đầy đủ Hệ thống thoát nước, Có đủ công trình vệ sinh, đảm bảo sạch sẽ cho trẻ sử dụng.

## **2. Kết quả thực hiện phổ cập Giáo dục tiểu học**

### **2.1. Công tác huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp:**

- Tổng số trẻ 6 tuổi (sinh năm 2018): 70;

- Tổng số trẻ 6 tuổi khuyết tật: 0;

- Tổng số trẻ 6 tuổi phải phổ cập: 70;

Tổng số trẻ 6 tuổi vào lớp 1 (năm học 2024 - 2025): 70/70; đạt tỷ lệ: 100%

- Tổng số trẻ 11 tuổi (sinh năm 2013): 84;

- Tổng số trẻ 11 tuổi khuyết tật: 0;

- Tổng số trẻ 11 tuổi phải phổ cập: 84;

- Tổng số trẻ 11 tuổi đã HTCTTH: 80/84; Đạt tỷ lệ: 95.2%.

### **2.2. Cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên, nhân viên:**

#### **2.2.1. Cán bộ quản lý:**

- Hiệu trưởng: 01;

+ Trình độ đào tạo: Đại học;

+ Trình độ chính trị: Trung cấp: 01;

- Phó hiệu trưởng: 01;

+ Trình độ đào tạo: Đại học;

+ Trình độ chính trị: Trung cấp: 01;

#### **2.2.2. Đội ngũ giáo viên:**

- Tổng số GV: 22; Biên chế: 20; Hợp đồng: 02; Tỷ lệ GV/Lớp: 1,7

Trong đó: + Nữ: 18 + Dân tộc: 17

- + Trình độ đào tạo (ĐH: 22, tỉ lệ 100%; Cao đẳng: 0, THSP: 0)
- + Đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp: 22/22, tỉ lệ 100%
- Giáo viên đào tạo chuyên:
  - + Âm nhạc: 02;
  - + Tin học: 01;
  - + Ngoại ngữ: 02 (Đạt chuẩn B2: 01; B: 01);
  - + Giáo dục thể chất: 01;
  - + GV tổng phụ trách Đội: 01 (không chuyên trách);

### 2.2.3. Nhân viên:

#### *Nhân viên:*

- Kế toán, văn thư: 01; Trình độ đào tạo: Đại học;
- Y tế: 01; Trình độ đào tạo: Trung cấp;
- Thư viện thiết bị: 01; Trình độ đào tạo: Đại học (chuyên trách: 01).

2.2.4. Người theo dõi công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ tại địa bàn được phân công: Tất cả giáo viên được phân công theo dõi các địa bàn, có danh sách đính kèm hồ sơ phổ cập.

### 2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Mạng lưới trường, lớp: Đảm bảo phù hợp với điều kiện của địa phương, tạo điều kiện cho học sinh đi học thuận lợi.

- Số điểm trường: 0; Số lớp: 13; Số học sinh: 369
- Số phòng học: 13; Kiên cố: 13; Bán kiên cố: 0; Tạm: 0; Mượn: 0
- Tỉ lệ phòng học/lớp: 1,0
- Các phòng chức năng:
  - + Văn phòng (phòng Hội đồng): 01
  - + Phòng hiệu trưởng: 01
  - + Phòng Phó hiệu trưởng: 01
  - + Phòng Thiết bị giáo dục: 01
  - + Phòng Thư viện: 01
  - + Phòng Y tế học đường: 01
  - + Phòng Truyền thống và hoạt động Đội: 01
  - + Phòng Tin học: 01
  - + Hỗ trợ tối thiểu học sinh khuyết tật: 01

Các phòng có đủ trang thiết bị cần thiết phục vụ dạy học

- Nhà bảo vệ: 01
- Đánh giá về sân chơi: 1000m<sup>2</sup>, đủ diện tích, đảm bảo chất lượng.



- Đánh giá về sân tập: 100 m<sup>2</sup>, an toàn, tương đối đáp ứng được yêu cầu tập luyện của học sinh an toàn. Được sử dụng thường xuyên.

- Bàn ghế học sinh: 205 bộ (Loại 2 chỗ ngồi: 205 bộ)

- Các phương tiện khác: Bộ thiết bị đồng bộ dạy học: có nhưng chưa đầy đủ cho các khối lớp, một số thiết bị đã hư hỏng không sử dụng được;

Đàn: 01; Máy tính: 15; Đài: 03; Máy chiếu Projecter: 01; Ti vi: 07;

Thiết bị khác: tương đối đảm bảo cho dạy và học (như bảng, đồ dùng dạy học,...)

- Hệ thống thoát nước: có, đảm bảo.

- Công trình vệ sinh: đảm bảo vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh; riêng cho nam, nữ: GV: 02 công trình; HS: 02 công trình;

- Giếng khoan: 01

- Nước sạch: có 02 máy lọc nước.

**2.4. Kết quả:** Đạt chuẩn PCGD TH mức độ 3.

### **3. Kết quả thực hiện phổ cập THCS**

#### **3.1. Huy động**

- Đơn vị xã Bảo Cường đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3.

- Tỷ lệ trẻ 6 tuổi đi học lớp 1: 70/70, đạt tỷ lệ: 100 %;

- Số trẻ ở độ tuổi (11-14) HTCTTH là 310/316, đạt tỷ lệ: 98,1%.

- Tỷ lệ % HS hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 đạt: 77/82 em, tỷ lệ 94%.

- Số học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS năm học 2023 - 2024 đạt: 61/61 em, tỷ lệ 100%.

- Tổng số đối tượng trong độ tuổi 15-18 có bằng tốt nghiệp THCS đạt: 225/237, tỷ lệ 95%.

- Tổng số đối tượng trong độ tuổi 15-18 có bằng tốt nghiệp THCS đang học THPT/ Nghề đạt: 220/225 em, tỷ lệ 97, 7%.

#### **3.2. Về đội ngũ giáo viên và nhân viên**

##### **3.2.1. Cán bộ quản lý:**

- Hiệu trưởng: 01.

+ Trình độ đào tạo: Đại học.

+ Trình độ chính trị: Trung cấp.

- Phó hiệu trưởng: 01.

+ Trình độ đào tạo: Đại học.

+ Trình độ chính trị: Trung cấp.

### 3.2.2. *Đội ngũ giáo viên:*

- Tổng số 16 (biên chế 13, hợp đồng 03, tỉ lệ: 1,9 Gv/ lớp).
- Số giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo: 16/16 tỉ lệ: 100 %.
- Số giáo viên trên chuẩn về trình độ đào tạo: 0.
- Đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp: 16/16; tỉ lệ: 100 %.
- Trong đó:
  - + Nữ: 11.
  - + Người dân tộc: 13.
- Giáo viên đào tạo chuyên:
  - + Âm nhạc, mỹ thuật: 01;
  - + Ngoại ngữ: 2 (Đạt chuẩn B2: 02);
  - + GV tổng phụ trách Đội: 01 (Kiêm nhiệm).

### 3.2.3. *Nhân viên:*

- Kế toán, văn thư: 02, trình độ đào tạo: 01 Đại học, 01 Trung cấp.
- Y tế, thủ quỹ: 01, trình độ đào tạo: 01 Trung cấp.
- Thư viện thiết bị: 01, trình độ đào tạo: 01 Trung cấp.

3.2.4. Người theo dõi công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ tại địa bàn được phân công: Tất cả giáo viên được phân công theo dõi các địa bàn, có danh sách đính kèm hồ sơ phổ cập.

### 3.3. ***Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học***

- Mạng lưới trường, lớp: Đảm bảo phù hợp với điều kiện của địa phương, tạo điều kiện cho học sinh đi học thuận lợi.

- Số điểm trường: 0; Số lớp: 08; Số học sinh: 258 em.
- Số phòng học: 08; Trên cấp 4: 08;
- Tỉ lệ phòng học/lớp: 1/1
- Các phòng được XD đảm bảo an toàn, ấm về mùa đông, thoáng về mùa hè.
- Các phòng chức năng:
  - + Văn phòng (phòng Hội đồng): 01;
  - + Phòng Hiệu trưởng: 01;
  - + Phòng Phó Hiệu trưởng: 01.
  - + Phòng KHTN 1: 01;
  - + Phòng KHTN 2: 01;
  - + Phòng KHXX: 01;
  - + Phòng đa chức năng: 01;

- + Phòng Mĩ thuật: 01;
- + Phòng Âm nhạc: 01;
- + Phòng Tin học: 01;
- + Phòng Thiết bị giáo dục: 01;
- + Phòng Thư viện: 01;
- + Phòng Y tế học đường: 01;
- + Phòng Truyền thống 01;
- + Phòng Đội: 01;
- Nhà bảo vệ: 01;
- Đánh giá về sân chơi: 1.212m<sup>2</sup> đủ diện tích, đảm bảo chất lượng.
- Đánh giá về sân tập: 2.534 m<sup>2</sup>, an toàn, đáp ứng được yêu cầu tập luyện của học sinh an toàn. Được sử dụng thường xuyên.
- Bàn ghế học sinh: 152 bộ.
- Các phương tiện khác: Máy tính: 20; Máy photo copy: 01; Máy chiếu Projeter: 01; Ti vi: 05.
- Hệ thống thoát nước: Có
- Công trình vệ sinh: Gồm 01 Nhà vệ sinh giáo viên; 01 nhà vệ sinh học sinh. Đảm bảo đủ dành riêng cho giáo viên, học sinh; riêng cho nam và nữ.
- Nước sạch: có hệ thống nước sạch đủ sử dụng, bao gồm:
- + Giếng khơi: 01
- + Máy lọc nước: 01

**3.4. Kết quả:** Đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3.

#### **4. Công tác Xóa mù chữ**

##### **4.1. Thống kê tỷ lệ người biết chữ theo các độ tuổi**

- Thống kê tỉ lệ người biết chữ theo các độ tuổi.

Độ tuổi	Dân số	Biết chữ	Tỉ lệ %	Mù chữ	Tỉ lệ %	Khuyết tật	Ghi chú
Từ 15-25	619	619	100				
Từ 26-35	1357	1356	99,9	1	0,073		
Từ 36-60	1073	1060	99,0	13	1,21		
<b>Tổng số</b>	<b>3049</b>	<b>3035</b>	<b>99,5</b>	<b>14</b>	<b>0,46</b>		

- Tổng dân số trong nhóm tuổi 15-60 là: 3049 người, trong đó:
- + Số người biết chữ trong độ tuổi là: 1558/3049, tỉ lệ 99,5%;
- + Số người mù chữ là: 14, tỉ lệ 0,46 %.

## **4.2. Kết quả: Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2**

### **IV. Đánh giá chung của đoàn tự kiểm tra**

1. Tình hình chung về công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của xã Bảo Cường.

- Triển khai và tuyên truyền đầy đủ các văn bản về chỉ đạo thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ tới đội ngũ giáo viên của các nhà trường và toàn thể nhân dân trên địa bàn xã.

- Hằng năm kiện toàn Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Phân công cụ thể nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban chỉ đạo. Xây dựng Kế hoạch, phân công giáo viên điều tra kịp thời. Xử lý số liệu trên máy tính kịp thời, chính xác.

- Ban chỉ đạo có kiểm tra, báo cáo kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Hoàn thiện hồ sơ phổ cập theo kế hoạch.

### 2. Kết luận:

Đối chiếu với Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy định, quy trình thủ tục kiểm tra công nhận đạt phổ cập giáo dục, xoá mù chữ. **Xã Bảo Cường đạt:**

- 1) Đạt chuẩn PCGD MN cho trẻ 5 tuổi.
- 2) Đạt chuẩn PCGD TH mức độ 3.
- 3) Đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3.
- 4) Đạt chuẩn XMC mức độ 2.

Tại thời điểm tháng 10 năm 2024.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả PCGD, XMC của xã Bảo Cường năm 2024. Ủy ban nhân dân xã Bảo Cường, trân trọng đề nghị UBND huyện Định Hóa kiểm tra, thẩm định và công nhận xã Bảo Cường đạt tiêu chuẩn PCGD, XMC thời điểm tháng 10 năm 2024./.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng GDĐT;
- Các Phòng, Ban của huyện;
- Thành viên Ban chỉ đạo xã;
- Lưu: VT.

**TRƯỞNG BAN**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ  
Nguyễn Xuân Vy**